

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Tổng Giám đốc	02 - 04
Báo cáo kiểm toán	05 - 07
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	08 - 48
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>08 - 11</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023</i>	<i>12</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2023</i>	<i>13 - 14</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2023</i>	<i>15 - 48</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Thiết bị Y tế Trung ương 3. Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000659 ngày 07/06/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 19 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 19 số 0400102101 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03 tháng 08 năm 2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 19: 52.530.700.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2023: 52.530.700.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
Điện thoại : 0236 3817 137
Fax : (+84) 236 381 0004
Email : info@danameco.com
Website : www.danameco.com
Mã số thuế : 0400102101

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 48).

Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Anh Đức	Chủ tịch
Ông Lê Văn Nam	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Li Li	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Nguyễn Đình Phương Nam	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2023
Ông Văn Đức Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/08/2023
Ông Võ Anh Đức	Giám đốc dự án	
Bà Huỳnh Thu Thảo	Giám đốc tài chính Kiêm Phụ trách kế toán	

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Đình Phương Nam (*)	Trưởng BKS	
Ông Trương Văn Bảy	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Ánh	Thành viên	

(*) Công ty đã tiếp nhận đơn từ nhiệm của Bà Nguyễn Đình Phương Nam ngày 28/07/2023 và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất bầu 01 thành viên mới.

Kiểm toán Viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là năm tài chính thứ hai Công ty tiếp tục bị lỗ, số lỗ năm 2023 là 54.399.015.439 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 116.890.910.208 VND đã chiếm phần lớn Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 48.678.119.077 VND. Những điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Lưu chuyển tiền thuần hoạt động kinh doanh chính của đơn vị trong năm 2022 và 2023 lần lượt là 41.838.116.726 VND, 12.050.869.378 VND. Đồng thời, ban lãnh đạo đã tìm kiếm sự hỗ trợ của các bên thứ 3 là Ngân hàng và các cá nhân về vốn kinh doanh để cố gắng hồi phục kinh tế.

Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty khẳng định chưa có bất kỳ dự định nào cho việc dừng hoạt động của Công ty trong nhiều năm tới. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vẫn được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đà Nẵng, Ngày 28 tháng 03 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Phương Nam

Số : 2004.01/2023/BCTC- NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP Về Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi : **Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024 từ trang 08 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 tại Công ty vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của tiền mặt, hàng tồn kho tại thời điểm nêu trên và ảnh hưởng lũy kế của chúng đến Báo cáo tài chính năm 2023.

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng tại thời điểm 31/12/2022 là 17,94 tỷ VND; tại thời điểm 31/12/2023 là 24,73 tỷ VND; các khoản ứng trước cho người bán tại thời điểm 31/12/2023 là 4,83 tỷ; các khoản phải trả người bán tại thời điểm 31/12/2023 là 4,28 tỷ VND. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi chưa thể khẳng định được tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản công nợ phải thu, công nợ phải trả chưa được xác nhận nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính của Công ty năm 2023.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 đính kèm đã bao gồm Doanh thu tạm tính của hoạt động liên kết với Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên số tiền 6.427.288.265 VND (Thuyết minh VI.1), số dư công nợ phải thu của hoạt động trên lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 8.468.062.442 VND chưa được xác nhận (Thuyết minh V.5a). Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi không thể khẳng định được tính hiện hữu, chính xác vấn đề này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính của Công ty năm 2023.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 đính kèm đã bao gồm giá vốn hàng bán với số tiền 5.856.025.914 đồng; doanh thu tương ứng với giá vốn này đã được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong năm 2021. Việc ghi nhận các giao dịch phát sinh như trên là chưa đảm bảo nguyên tắc phù hợp của Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

Công ty đã phát hành hóa đơn; lập biên bản giao nhận, nghiệm thu hàng hóa và ghi nhận doanh thu bán hàng trong năm 2022 với số tiền 49.183.486.880 đồng. Tuy nhiên, thời gian thể hiện trên các phiếu xuất, các bút toán xuất kho và hạch toán giá vốn đối với lượng hàng nêu trên đều được ghi nhận sau thời điểm ghi nhận doanh thu. Do sự không hợp lý về thời điểm ghi nhận doanh thu và giá vốn tại hồ sơ kế toán như trên, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về giao dịch mua, bán các lô hàng này và ảnh hưởng của chúng đến các giao dịch, số dư khác của Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.8 về việc:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là năm tài chính thứ hai Công ty tiếp tục bị lỗ, số lỗ năm 2023 là 54.399.015.439 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 116.890.910.208 VND đã chiếm phần lớn Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 48.678.119.077 VND. Những điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Lưu chuyển tiền thuần hoạt động kinh doanh chính của đơn vị trong năm 2022 và 2023 lần lượt là 41.838.116.726 VND, 14.160.753.275 VND. Đồng thời, ban lãnh đạo đã tìm kiếm sự hỗ trợ của các bên thứ 3 là Ngân hàng và các cá nhân về vốn kinh doanh để cố gắng hồi phục kinh tế.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty khẳng định chưa có bất kỳ dự định nào cho việc dừng hoạt động của Công ty trong nhiều năm tới. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vẫn được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Vấn đề này không ảnh hưởng đến ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2022 được Công ty chúng tôi kiểm toán có dạng ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Một số chi tiêu được điều chỉnh lại do thay đổi phương pháp khấu hao được trình bày tại thuyết minh số VI.9.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh

GCNDKHNKT số: 1690-2023-124-1

Nguyễn Thị Tuyết

GCNDKHNKT số: 1475-2023-124-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		195.153.137.289	269.867.230.645
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.261.327.493	15.667.155.913
1. Tiền	111		1.631.327.493	11.797.155.913
2. Các khoản tương đương tiền	112		630.000.000	3.870.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		500.000.000	6.337.080.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	500.000.000	6.337.080.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.837.931.337	75.853.339.808
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	53.368.870.492	66.964.221.207
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.489.299.695	12.652.828.604
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	10.618.029.169	4.806.659.236
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(10.638.268.019)	(8.570.369.239)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		85.170.906.168	126.517.137.406
1. Hàng tồn kho	141	V.7	87.901.627.184	128.817.681.848
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.730.721.016)	(2.300.544.442)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		45.382.972.291	45.492.517.518
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.071.304.647	3.680.289.073
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		43.911.538.107	41.398.845.998
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	400.129.537	413.382.447
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		110.421.963.514	137.229.347.741
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.903.654.190	4.971.697.497
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.903.654.190	4.971.697.497
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		103.795.289.767	128.991.522.061
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	63.738.057.779	74.431.707.897
<i>Nguyên giá</i>	222		147.136.806.028	148.024.701.497
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(83.398.748.249)	(73.592.993.600)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	21.579.521.805	36.003.525.795
<i>Nguyên giá</i>	225		86.449.113.113	86.449.113.113
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(64.869.591.308)	(50.445.587.318)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	18.477.710.183	18.556.288.369
<i>Nguyên giá</i>	228		19.499.985.221	19.499.985.221
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.022.275.038)	(943.696.852)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		340.000.000	340.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(340.000.000)	(340.000.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.177.874.495
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	-	1.177.874.495
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.100.000.000	1.100.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	1.100.000.000	1.100.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.623.019.557	988.253.688
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.623.019.557	988.253.688
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		305.575.100.803	407.096.578.386

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		300.290.629.011	347.413.091.155
I. Nợ ngắn hạn	310		243.831.256.366	283.488.865.718
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	91.268.940.132	98.651.435.986
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1.100.388.097	2.180.584.307
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.224.409.662	1.772.634.221
4. Phải trả người lao động	314		2.364.319.242	9.293.909.249
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	4.571.415.997	4.205.676.336
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	61.666.667	127.272.728
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	1.563.464.073	942.182.088
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	134.471.381.684	159.766.049.991
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	6.205.270.812	6.549.120.812
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		56.459.372.645	63.924.225.437
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	60.000.000	60.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	56.332.056.330	63.796.909.122
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		67.316.315	67.316.315

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.284.471.792	59.683.487.231
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	3.493.839.124	57.892.854.563
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.530.700.000	52.530.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.530.700.000	52.530.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.946.628.370	4.946.628.370
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		62.907.420.962	62.907.420.962
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(116.890.910.208)	(62.491.894.769)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(62.491.894.769)	21.336.250.457
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(54.399.015.439)	(83.828.145.226)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.790.632.668	1.790.632.668
1. Nguồn kinh phí	431		1.790.632.668	1.790.632.668
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		305.575.100.803	407.096.578.386

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc






Huỳnh Thu Thảo

Huỳnh Thu Thảo

Nguyễn Đình Phương Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	217.676.024.169	321.285.100.525
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	262.531.981	3.385.292.628
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		217.413.492.188	317.899.807.897
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	212.934.408.315	332.662.986.041
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.479.083.873	(14.763.178.144)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	281.537.407	1.997.817.070
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	12.216.814.643	19.886.904.424
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.013.998.090	18.541.744.076
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	12.637.872.346	14.868.498.844
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18.647.166.055	24.285.978.485
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(38.741.231.764)	(71.806.742.827)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	339.858.821	2.313.696.068
12. Chi phí khác	32	VI.9	15.997.642.496	14.201.982.386
13. Lợi nhuận khác	40		(15.657.783.675)	(11.888.286.318)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(54.399.015.439)	(83.695.029.145)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	-	133.116.081
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(54.399.015.439)	(83.828.145.226)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(10.356)	(15.958)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	(10.356)	(15.958)

Người lập biểu

Huỳnh Thu Thảo

Phụ trách kế toán

Huỳnh Thu Thảo

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Phương Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(54.399.015.439)	(83.695.029.145)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		27.253.068.987	29.037.350.991
- Các khoản dự phòng	03		2.498.075.354	(4.494.085.141)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(7.378.829)	392.153.540
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(330.654.237)	(375.965.334)
- Chi phí lãi vay	06		12.013.998.090	18.541.744.076
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(12.971.906.074)	(40.593.831.013)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.623.830.263	57.246.720.609
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		40.916.054.664	8.647.019.980
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(14.023.596.045)	41.052.815.660
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.974.218.557	1.618.285.898
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(12.013.998.090)	(14.524.800.631)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(7.033.977.275)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(343.850.000)	(4.574.116.502)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.160.753.275	41.838.116.726
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.052.885.509)	(2.872.767.234)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		387.000.000	35.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.837.080.000	500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		249.759.997	441.725.619
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.420.954.488	(2.396.041.615)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

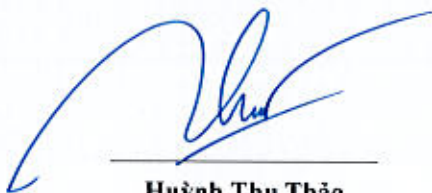
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		184.727.948.564	307.087.504.462
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(203.774.504.861)	(357.570.654.833)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(13.968.803.470)	(15.083.567.594)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.015.359.767)	(65.566.717.965)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(13.433.652.004)	(26.124.642.854)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	15.667.155.913	41.959.009.912
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		27.823.584	(167.211.145)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	2.261.327.493	15.667.155.913

Người lập biểu



Huỳnh Thu Thảo

Phụ trách kế toán



Huỳnh Thu Thảo

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Phương Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

2. Khái quát về Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Thiết bị Y tế Trung ương 3. Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000659 ngày 07/06/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 19 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 19 số 0400102101 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03 tháng 08 năm 2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 19: 52.530.700.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2023: 52.530.700.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Điện thoại : 0236 3817 137

Fax : (+84) 236 381 0004

Email : info@danameco.com

Website : www.danameco.com

Mã số thuế : 0 4 0 0 1 0 2 1 0 1

3. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị y tế

4. Ngành nghề kinh doanh :

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:

- Sản xuất hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất thuốc bao gồm thuốc thành phần, nguyên liệu làm thuốc, vắc xin và sinh phẩm y tế;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh thiết bị vật tư y tế; Sản xuất bông băng gạc y tế, các sản phẩm dùng một lần trong phẫu thuật, gói đỡ đẻ sạch và sản xuất các sản phẩm phục vụ cấp cứu, chấn thương, thiên tai, dịch họa;
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú. Chi tiết: Dịch vụ giặt là y tế;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo hướng dẫn trang bị thiết bị y tế;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, dụng cụ, thiết bị y tế. Kinh doanh hóa chất xét nghiệm, hóa chất chống dịch, dụng cụ, thiết bị khoa học kỹ thuật, xe cứu thương và các thiết bị dụng cụ phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy dệt, may và da giày. Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh hóa chất, thuốc tẩy trùng, thiết bị tẩy trùng và xử lý môi trường. Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt. Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
 - Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất thải khác. Chi tiết: Dịch vụ tẩy trùng và xử lý môi trường;
 - Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác. Chi tiết: Đảm nhận công tác hậu cần cho các chương trình tiếp nhận và phân phối hàng viện trợ;
 - Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn sửa chữa, bảo trì thiết bị, dụng cụ y tế;
 - Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn thiết kế xây dựng labo xét nghiệm phòng mổ, phòng X-Quang và các công trình chuyên ngành y tế;
 - May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
 - Sản xuất sản phẩm từ da lông thú;
 - Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
 - Sản xuất va li, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
 - Sản xuất giày, dép;
 - Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép;
 - Bán lẻ vải, len, sợi, chi khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Hoàn thiện sản phẩm dệt;
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt trang thiết bị y tế;
 - Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
 - Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục);
 - Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu;
 - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví da và giả da khác; Bán buôn được phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu;
 - Dịch vụ đóng gói. Chi tiết: Đóng gói găng tay./.
5. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC năm 2023 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2022.
7. **Nhân viên:**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Doanh nghiệp có 390 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 785 nhân viên).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các đơn vị trực thuộc

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy sản xuất Vật tư Y tế Quảng Nam	Cụm CN Trảng Nhật 2, Xã Điện Hòa, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
Nhà máy sản xuất Vật tư Y tế Hòa Cường	12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng



II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tại BCTC năm 2022, đơn vị không đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi nên không đủ điều kiện thực hiện phương pháp khấu hao nhanh đối với một số tài sản cố định hữu hình là máy móc dùng trong sản xuất trang phục, vật tư y tế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao xác định lại của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 06

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tổng công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại BCTC năm 2022, đơn vị không đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi nên không đủ điều kiện thực hiện phương pháp khấu hao nhanh đối với tài sản thuê tài chính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính xác định lại như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 - 09

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 05-10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
 - Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- 12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**
Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.
- 13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**
Vốn góp chủ sở hữu
Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.
- Lợi nhuận chưa phân phối*
Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.
- Các quỹ khác*
Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.
- 14. Phân phối lợi nhuận**
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
 - Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
 - Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

82-C
TY
+
DÁN
VIỆT
HA

07.
TY
↓
30
DÀ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

20. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. **Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.963.111	135.426.835
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.629.364.382	11.661.729.078
Các khoản tương đương tiền	630.000.000	3.870.000.000
Cộng	<u>2.261.327.493</u>	<u>15.667.155.913</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	500.000.000	500.000.000	6.337.080.000	6.337.080.000
Cộng	<u>500.000.000</u>	<u>500.000.000</u>	<u>6.337.080.000</u>	<u>6.337.080.000</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng số tiền 500.000.000 VND. Khoản tiền gửi được tái tục gốc khi đến hạn với lãi suất được xác định lại mỗi lần tại thời điểm tái tục. Khoản tiền gửi đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng.

b. Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Trái phiếu (*)	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000
Cộng	<u>1.100.000.000</u>	<u>1.100.000.000</u>	<u>1.100.000.000</u>	<u>1.100.000.000</u>

(*) Là quyền sở hữu trái phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam: + 100 Trái phiếu mã số CTG1929T2/01_3575, mệnh giá 10.000.000 VND/ trái phiếu tương đương 1.000.000.000 VND. Kỳ hạn của trái phiếu là 10 năm từ 27/09/2019 đến ngày 27/09/2029.

Trái phiếu trên đang được sử dụng làm tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng.

+ 1000 Trái phiếu mã số CTG2030T2/01-3078, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu tương đương 100.000.000 VND. Kỳ hạn của trái phiếu là 10 năm từ 30/07/2020 đến 20/07/2030.

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	3.482.906.729	3.570.773.859
Công ty Cổ phần Đầu tư Giải pháp Y tế HSI	347.920.620	-
Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Kỹ thuật TNT	3.134.986.109	3.570.773.859
Phải thu các khách hàng khác	49.885.963.763	63.393.447.348
Nissho Sangyo Co., Ltd	443.518.781	1.878.683.616
Medline Industries, Inc	9.375.336.676	13.854.886.127
Bệnh viện K	743.234.174	2.121.640.777
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Danamed	2.814.339.541	2.814.339.541
Bệnh viện Từ Dũ	1.568.183.658	2.423.835.249
Các khách hàng khác	34.941.350.933	40.300.062.038
Cộng	<u>53.368.870.492</u>	<u>66.964.221.207</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	8.489.299.695	12.652.828.604
Công ty TNHH MTV Thành Phát Thịnh	1.364.171.000	1.364.171.000
Wuhan Uniway Trading	828.537.448	1.467.993.608
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập Khẩu KYH	2.552.250.000	2.552.250.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Danamed	2.447.664.535	2.447.664.535
Các nhà cung cấp khác	1.296.676.712	4.820.749.461
Cộng	8.489.299.695	12.652.828.604

5. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức khác</i>	10.618.029.169	-	4.806.659.236	-
Thuế GTGT của tài sản thuế tài chính	1.170.056.519	-	827.273.455	-
Lãi dự thu	-	-	97.000.631	-
Ký cược, ký quỹ	532.491.546	-	686.124.088	-
Phải thu Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	8.468.062.442	-	2.040.774.177	-
Tạm ứng	278.509.725	-	499.216.502	-
Các khoản phải thu khác	168.908.937	-	656.270.383	-
Cộng	10.618.029.169	-	4.806.659.236	-

b. Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức khác</i>	3.903.654.190	-	4.971.697.497	-
Thuế GTGT của tài sản thuế tài chính	954.868.332	-	1.530.300.727	-
Ký cược, ký quỹ	2.948.785.858	-	2.943.785.858	-
Các khoản phải thu khác	-	-	497.610.912	-
Cộng	3.903.654.190	-	4.971.697.497	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Phải thu ngắn hạn khách hàng		41.353.291.487		18.754.812.130
Sở Y Tế Tỉnh Tây Ninh	Quá hạn từ 02 đến 03 năm	1.455.484.000	Quá hạn từ 02 đến 03 năm	1.455.484.000
BQL Dự An Đầu Tư Xây Dựng Hệ Thống & Phát Triển Đô Thị Đà Nẵng	Quá hạn trên 03 năm	921.351.450	Quá hạn trên 03 năm	921.351.450
VIVA PLAST GmbH	Quá hạn từ 02 đến 03 năm	537.703.680	Quá hạn từ 01 đến 02 năm	537.703.680
Bệnh Viện K	Quá hạn từ 02 đến 03 năm	584.844.477	Quá hạn từ 02 đến 03 năm	584.844.477
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tậ Thiên Ân	Quá hạn từ 01 đến 02 năm	1.107.875.995	Quá hạn từ 06 tháng đến 01 năm	1.107.875.995
Các khách hàng khác	Quá hạn từ 06 tháng đến trên 03 năm	36.746.031.885	Quá hạn từ 06 tháng đến trên 03 năm	14.147.552.528
Trả trước cho người bán ngắn hạn		4.438.293.323		4.454.136.970
Công Ty TNHH MTV Thành Phát Thịnh	Quá hạn từ 01 đến 02 năm	1.364.171.000	Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	1.364.171.000
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Xuất Nhập Khẩu KỶH	Quá hạn trên 03 năm	2.552.250.000	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	2.552.250.000
Các khách hàng khác	Quá hạn từ 06 tháng đến trên 03 năm	521.872.323	Quá hạn từ 06 tháng đến trên 03 năm	537.715.970
Cộng		45.791.584.810		46.417.898.200
		10.638.268.019		8.570.369.239

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	38.321.238.477	(11.135.940)	60.301.155.548	(11.135.940)
Công cụ, dụng cụ	162.364.105	-	733.720.954	-
Thành phẩm	32.977.530.316	(2.679.837.864)	48.128.781.134	(2.249.661.290)
Hàng hóa	15.771.176.385	(39.747.212)	18.810.667.473	(39.747.212)
Hàng gửi đi bán	669.317.901	-	843.356.739	-
Cộng	87.901.627.184	(2.730.721.016)	128.817.681.848	(2.300.544.442)

8. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	43.301.704	576.586.171
Chi phí bảo hiểm	174.642.672	181.631.612
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	853.360.271	2.922.071.290
Cộng	1.071.304.647	3.680.289.073

b. Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	488.713.492	846.298.938
Chi phí đánh giá quản lý chất lượng	821.922.347	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	312.383.718	141.954.750
Cộng	1.623.019.557	988.253.688

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	61.434.620.317	76.143.499.792	9.200.147.194	1.246.434.194	148.024.701.497
Mua trong năm	-	70.527.005	-	-	70.527.005
Đầu tư XD CB hoàn thành	2.160.232.995	-	-	-	2.160.232.995
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.110.773.958)	(1.007.881.511)	-	(3.118.655.469)
Số cuối năm	63.594.853.312	74.103.252.839	8.192.265.683	1.246.434.194	147.136.806.028
<i>Trong đó</i>					
<i>Tài sản hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng</i>	8.871.955.415	9.877.176.141	2.246.072.804	254.693.467	21.249.897.827
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	29.638.989.346	38.406.463.687	4.624.377.482	923.163.085	73.592.993.600
Khấu hao trong năm	3.458.388.550	8.184.133.395	934.149.038	173.815.828	12.750.486.811
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.985.372.466)	(959.359.696)	-	(2.944.732.162)
Số cuối năm	33.097.377.896	44.605.224.616	4.599.166.824	1.096.978.913	83.398.748.249
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	31.795.630.971	37.737.036.105	4.575.769.712	323.271.109	74.431.707.897
Số cuối năm	30.497.475.416	29.498.028.223	3.593.098.859	149.455.281	63.738.057.779

Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 14.042.332.016 VND và 4.576.643.326 VND đang được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đà Nẵng, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt nam – Chi nhánh Đà Nẵng, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam -CN Đà Nẵng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Là máy móc thiết bị

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	86.449.113.113	(50.445.587.318)	36.003.525.795
Tăng trong năm	-	(14.428.116.874)	(14.428.116.874)
Số cuối kỳ	<u>86.449.113.113</u>	<u>(64.873.704.191)</u>	<u>21.575.408.922</u>

11. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm

	<u>Quyền sử dụng đất (*)</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>TSCĐ vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	18.732.785.221	697.200.000	70.000.000	19.499.985.221*
Số cuối năm	<u>18.732.785.221</u>	<u>697.200.000</u>	<u>70.000.000</u>	<u>19.499.985.221</u>
<i>Trong đó</i>				
<i>Tài sản hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng</i>	-	232.200.000	70.000.000	302.200.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	408.996.866	464.699.986	70.000.000	943.696.852
Khấu hao trong năm	32.078.186	46.500.000	-	78.578.186
Số cuối năm	<u>441.075.052</u>	<u>511.199.986</u>	<u>70.000.000</u>	<u>1.022.275.038</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	18.323.788.355	232.500.014	-	18.556.288.369
Số cuối năm	<u>18.291.710.169</u>	<u>186.000.014</u>	<u>-</u>	<u>18.477.710.183</u>

(*) Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 18.732.785.221VND; 18.291.710.169 VND đang được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

12. Bất động sản đầu tư

Là cơ sở hạ tầng tại 105 đường Hùng Vương, phường Hải Châu, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, đã hết khấu hao và hiện đang cho thuê.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển vào TSCĐ</u>	<u>Số cuối năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	1.177.874.495	982.358.500	(2.160.232.995)	-
Xưởng may Gown - Nhà máy Quảng Nam	1.177.874.495	982.358.500	(2.160.232.995)	-
Cộng	<u>1.177.874.495</u>	<u>982.358.500</u>	<u>(2.160.232.995)</u>	<u>-</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	49.816.661.205	47.888.786.725
Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Kỹ thuật TNT	38.655.783.079	38.115.548.199
Công ty Cổ phần Đầu tư Giải pháp Y tế HSI	11.160.878.126	9.773.238.526
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	41.452.278.927	50.762.649.261
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế PCG (trước là Công ty TNHH HOH Việt Nam)	29.333.634.205	29.333.634.205
Các nhà cung cấp khác	12.118.644.722	21.429.015.056
Cộng	91.268.940.132	98.651.435.986

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	698.510.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Giải pháp Y tế HSI	-	698.510.000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	1.100.388.097	1.482.074.307
IP Supply Pty Ltd	557.513.604	549.782.270
Mediworks Corporation	-	431.112.586
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiết bị K&T	131.250.000	131.250.000
Axis Co.,Ltd	183.993.525	-
Các khách hàng khác	227.630.968	369.929.451
Cộng	1.100.388.097	2.180.584.307

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.699.970.712	-	-	-	1.699.970.712	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.370.180.298	(1.845.741.349)	524.438.950	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	126.305.770	(126.694.111)	-	388.341
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	286.566.931	-	-	-	286.566.931
Thuế thu nhập cá nhân	-	126.815.516	365.245.292	(351.604.041)	-	113.174.265
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	72.663.509	-	186.270.300	(258.933.809)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	32.148.419	(32.148.419)	-	-
Cộng	1.772.634.221	413.382.447	3.080.150.079	(2.615.121.729)	2.224.409.662	400.129.537

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất các hoạt động như sau:

Hoạt động	Thuế suất
Sản phẩm thiết bị, dụng cụ và vật tư y tế	5%
Hoạt động dịch vụ	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	4.205.676.336	4.205.676.336
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	365.739.661	-
Cộng	4.571.415.997	4.205.676.336

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước cho thuê tài sản tại số 105 đường Hùng Vương, phường Hải Châu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

19. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	898.385.768	342.166.214
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	104.174.947	104.174.947
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	560.903.358	495.840.927
Cộng	1.563.464.073	942.182.088

b. Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược	60.000.000	60.000.000
Cộng	60.000.000	60.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính****a) Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay các bên liên quan</i>	39.710.000.000	39.710.000.000	39.710.000.000	39.710.000.000
Ông Lê Hải Trọng	32.710.000.000	32.710.000.000	32.710.000.000	32.710.000.000
Ông Võ Anh Đức	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính các tổ chức khác</i>	94.761.381.684	94.761.381.684	120.056.049.991	120.056.049.991
Vay ngắn hạn ngân hàng	78.516.528.892	78.516.528.892	102.610.672.062	102.610.672.062
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN Đà Nẵng (*)	78.516.528.892	78.516.528.892	79.838.054.031	79.838.054.031
Ngân hàng TMCP Dầu khí và Phát triển Việt Nam-CN Đà Nẵng	-	-	9.572.210.823	9.572.210.823
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á-CN Đà Nẵng	-	-	3.883.206.712	3.883.206.712
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	9.317.200.496	9.317.200.496
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	3.313.581.569	3.313.581.569	3.476.574.459	3.476.574.459
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	12.931.271.223	12.931.271.223	13.968.803.470	13.968.803.470
Cộng	134.471.381.684	134.471.381.684	159.766.049.991	159.766.049.991

(*) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 300029444.01/2023-HĐCVHM/NHCT480-DANAMECO ngày 07/11/2023. Hạn mức cho vay là 80.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng, mục đích sử dụng là để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay được quy định trên từng lần nhận nợ. Khoản vay được thế chấp bởi:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 43 tờ bản đồ số 7, hiện nay là 12 Trịnh Công Sơn (K464/14 Núi Thành), Phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 127100015/HĐTC ngày 16/07/2012. Giá trị của tài sản được định giá là 29.980.000.000 VND theo biên bản định giá tài sản ngày 01/02/2024.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 105 đường Hùng Vương, phường Hải Châu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2027-HĐTC/NHCT480-DANAMECO ngày 29/06/2017. Giá trị của tài sản là 35.220.000.000 VND theo văn bản sửa đổi giá trị tài sản thế chấp ngày 7/01/2024.

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số CTG1929T2/01-3475 ngày 27/09/2019, theo Hợp đồng cầm cố Giấy tờ có giá số 01/2019/HĐĐB/NHCT480-DANAMECO-TRAIPIHIEU ngày 26/12/2019. Giá trị của tài sản là 1.000.000.000 VND.

+ Hợp đồng tiền gửi số 480/2022/45749 phát hành ngày 26/12/2022 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/HĐĐB/NHCT480-DNM ngày 28/12/2022. Giá trị của tài sản là 500.000.000 VND.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 307 tờ bản đồ số 7, Kiệt 464 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/2023/HĐBĐ/NHCT480-DANAMECO- ngày 25/10/2023. Tài sản có giá trị là 81.815.000.000 VND theo biên bản định giá ngày 25/10/2023.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
			vay và nợ dài hạn			
Vay ngắn hạn ngân hàng	102.610.672.062	175.947.948.564	-	(200.297.930.402)	255.838.668	78.516.528.892
Vay ngắn hạn các cá nhân là bên liên quan	39.710.000.000	-	-	-	-	39.710.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.476.574.459	-	3.313.581.569	(3.476.574.459)	-	3.313.581.569
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	13.968.803.470	-	12.931.271.223	(13.968.803.470)	-	12.931.271.223
Cộng	159.766.049.991	175.947.948.564	16.244.852.792	(217.743.308.331)	255.838.668	134.471.381.684

b) Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn phải trả bên liên quan</i>	<i>19.000.000.000</i>	<i>19.000.000.000</i>	<i>19.000.000.000</i>	<i>19.000.000.000</i>
Ông Võ Anh Đức (1)	19.000.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>37.332.056.330</i>	<i>37.332.056.330</i>	<i>44.796.909.122</i>	<i>44.796.909.122</i>
Vay dài hạn ngân hàng	5.811.000.012	5.811.000.012	9.124.581.581	9.124.581.581
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt nam-CN Đà Nẵng (2)	4.647.750.012	4.647.750.012	5.984.031.581	5.984.031.581
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam -CN Đà Nẵng	-	-	1.312.500.000	1.312.500.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á-CN Đà Nẵng (3)	1.163.250.000	1.163.250.000	1.828.050.000	1.828.050.000
Vay dài hạn các cá nhân khác (4)	21.580.000.000	21.580.000.000	12.800.000.000	12.800.000.000
Nợ thuê tài chính (5)	9.941.056.318	9.941.056.318	22.872.327.541	22.872.327.541
Cộng	56.332.056.330	56.332.056.330	63.796.909.122	63.796.909.122

- (1) Là khoản vay ông Võ Anh Đức theo các hợp đồng cho vay năm 2020, thời hạn 3 năm và các hợp đồng cho vay năm 2022, thời hạn 3 năm. Phụ lục gia hạn thời gian vay thêm 3 năm kể từ ngày 20/10/2023, khoản vay không lãi suất trong 2 năm 2023 và 2024. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo các Hợp đồng sau:
+ Hợp đồng tín dụng số DNG202158555/HDTD ngày 09/06/2021. Hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 VND, mục đích vay là để bù đắp chi phí đầu tư nhà máy sản xuất vật tư y tế, thời hạn 84 tháng, lãi suất được quy định trên từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bởi Công trình xây dựng đã hình thành tại CCN Trảng Nhật 2, xã Điện Hòa, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo Hợp đồng thế chấp tài sản số DNG202158555/HDTG ngày 24/06/2021. Giá trị của tài sản thế chấp là 12.394.000.000 VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Hợp đồng tín dụng số DNG201912399763/HDTD ngày 01/02/2019, số tiền vay là 500.000.000 VND, thời hạn 60 tháng, mục đích mua xe phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất quy định trên giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô tải pickup nhãn hiệu TOYOTA, BKS 29H-177.44. Giá trị của tài sản thế chấp là 695.000.000 VND.

- (3) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng từng lần số REF2125800039/HDTD-TDH/DN ngày 19/10/2021. Số tiền vay là 3.240.000.000 VND, thời hạn 60 tháng, mục đích vay là để bù đắp một phần tiền mua dây chuyền, máy móc thiết bị nhà máy tại Cụm Công nghiệp Tráng Nhật 2, xã Điện Hòa, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là một phần máy móc thiết bị, dây chuyền tại nhà máy theo Hợp đồng thế chấp số REF2125800039/MMTB/DN ngày 19/10/2021. Phụ lục 02 số 02/ REF2125800039 ngày 21/12/2021. Giá trị của tài sản là 4.630.000.000 VND.
- (4) Là các khoản vay của các cá nhân khác với thời hạn 3 năm; không tính lãi cho 2 năm 2023, 2024 với mục đích hỗ trợ vốn lưu động cho Công ty. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (5) Là các khoản nợ thuê tài chính tại các Công ty cho thuê tài chính. Tài sản thuê tài chính là máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với thời hạn thuê là 48 đến 60 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	9.124.581.581	-	-	(3.313.581.569)	5.811.000.012
Vay dài hạn các cá nhân là bên liên quan	19.000.000.000	-	-	-	19.000.000.000
Vay dài hạn các cá nhân khác	12.800.000.000	8.780.000.000	-	-	21.580.000.000
Nợ thuê tài chính	22.872.327.541	-	-	(12.931.271.223)	9.941.056.318
Cộng	63.796.909.122	8.780.000.000	-	(16.244.852.792)	56.332.056.330

21. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	6.549.120.812	-	(343.850.000)	6.205.270.812
Cộng	6.549.120.812	-	(343.850.000)	6.205.270.812

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	43.776.050.000	4.946.628.370	62.907.420.962	21.336.250.457	132.966.349.789
Tăng vốn từ lợi nhuận	8.754.650.000	-	-	(8.754.650.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(75.073.495.226)	(75.073.495.226)
Số dư cuối năm trước	52.530.700.000	4.946.628.370	62.907.420.962	(62.491.894.769)	57.892.854.563
Số dư đầu năm nay	52.530.700.000	4.946.628.370	62.907.420.962	(62.491.894.769)	57.892.854.563
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(54.399.015.439)	(54.399.015.439)
Số dư cuối năm nay	52.530.700.000	4.946.628.370	62.907.420.962	(116.890.910.208)	3.493.839.124

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.253.070	5.253.070
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.253.070	5.253.070
- Cổ phiếu phổ thông	5.253.070	5.253.070
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.253.070	5.253.070
- Cổ phiếu phổ thông	5.253.070	5.253.070
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

23. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**a, Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	35.266,81	372.973,23
Euro (EUR)	1.702,85	2.702,85
Yên Nhật (JPY)	36.445,00	41.298,00

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	210.930.629.843	320.319.364.501
Doanh thu cung cấp dịch vụ	318.106.061	179.606.061
Doanh thu hoạt động liên kết bệnh viện	6.427.288.265	786.129.963
Cộng	<u>217.676.024.169</u>	<u>321.285.100.525</u>

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Giải Pháp Y Tế	133.247.028	334.752.381
Công ty TNHH Thương Mại Và Công Nghệ Kỹ Thuật TNT	5.165.714	3.294.014.757

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	-	1.933.200
Hàng bán bị trả lại	262.531.981	3.382.894.285
Giảm giá hàng bán	-	465.143
Cộng	<u>262.531.981</u>	<u>3.385.292.628</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	206.268.392.675	334.545.459.467
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
Giá vốn hoạt động liên kết bệnh viện	6.235.839.066	4.525.996.342
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	430.176.574	(6.408.469.768)
Cộng	<u>212.934.408.315</u>	<u>332.662.986.041</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	152.759.366	391.806.250
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	121.384.512	1.606.010.820
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7.393.529	-
Cộng	<u>281.537.407</u>	<u>1.997.817.070</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	12.013.998.090	18.541.744.076
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	202.816.553	953.006.808
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	392.153.540
Cộng	<u>12.216.814.643</u>	<u>19.886.904.424</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.735.020.820	1.982.268.347
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	122.410.151	101.117.416
Chi phí khấu hao tài sản cố định	398.664.296	402.299.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.240.938.708	11.189.066.802
Các chi phí khác	1.140.838.371	1.193.747.031
Cộng	<u>12.637.872.346</u>	<u>14.868.498.844</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.652.876.489	10.834.191.472
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.119.860.779	258.000.777
Chi phí khấu hao tài sản cố định	630.338.163	605.919.965
Thuế, phí và lệ phí	221.064.160	33.953.544
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	2.067.898.780	1.914.384.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.954.762.138	9.075.290.984
Các chi phí khác	1.000.365.546	1.564.237.116
Cộng	<u>18.647.166.055</u>	<u>24.285.978.485</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	177.894.871	-
Thu nhập từ xử lý Bảo hiểm xã hội, công nợ, hàng tồn kho	-	1.969.490.381
Thu nhập khác	161.963.950	344.205.687
Cộng	<u>339.858.821</u>	<u>2.313.696.068</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	15.840.916
Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt hành chính	-	616.926.924
Khấu hao các tài sản cố định chưa dùng, không cần dùng chờ thanh lý	15.670.788.380	13.168.108.926
Chi phí khác	326.854.116	401.105.620
Cộng	<u>15.997.642.496</u>	<u>14.201.982.386</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(54.399.015.439)	(83.695.029.145)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	16.103.818.505	29.521.311.668
<i>Chi phí không phục vụ sản xuất kinh doanh</i>	16.228.249.548	29.751.918.720
<i>Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt hành chính</i>	15.670.788.380	28.341.732.636
<i>Lỗ CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm</i>	-	616.926.924
<i>Lãi CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm trước</i>	-	392.153.540
<i>Chi phí khác</i>	230.607.052	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	326.854.116	401.105.620
<i>Lãi CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm</i>	(124.431.043)	(230.607.052)
<i>Lỗ CLTG đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm trước</i>	267.722.497	-
Thu nhập chịu thuế	(392.153.540)	(230.607.052)
Thu nhập được miễn thuế	(38.295.196.934)	(54.173.717.477)
Thu nhập liên kết bệnh viện đã tính thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	(1.228.938.832)	(142.005.303)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	(39.524.135.766)	(54.315.722.780)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	20%	20%
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	-
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	133.116.081
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	133.116.081

11. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(54.399.015.439)	(83.828.145.226)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	(54.399.015.439)	(83.828.145.226)
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	5.253.070	5.253.070
	(10.356)	(15.958)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.253.070	5.253.070
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>5.253.070</u>	<u>5.253.070</u>

12. Chi phí theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	119.026.152.723	140.883.312.193
Chi phí nhân công	64.704.138.272	76.669.035.846
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.253.068.987	45.395.828.527
Chi phí dự phòng	2.067.898.780	(4.494.085.141)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.432.322.227	26.794.582.822
Chi phí khác	3.154.438.335	3.462.669.184
Cộng	<u>228.638.019.324</u>	<u>288.711.343.431</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Doanh nghiệp bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Lê Hải Trọng		
Trả tiền vay	-	4.200.000.000
Ông Võ Anh Đức		
Vay tiền	-	19.000.000.000
Trả tiền vay	-	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.20.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương và thù lao			
Ông Võ Anh Đức	Chủ tịch HĐQT Giám đốc dự án	537.150.382	632.014.676
Ông Lê Hải Trọng	Nguyên Chủ tịch HĐQT	-	317.641.797
Ông Lê Văn Nam	Nguyên Thành viên HĐQT	-	18.000.000
Bà Huỳnh Thị Li Li	Nguyên Thành viên HĐQT	-	211.520.128
Bà Nguyễn Đình Phương Nam	Tổng giám đốc	332.512.104	24.000.000
Ông Văn Đức Minh Tuấn	Nguyên Tổng giám đốc	656.993.077	
Ông Trương Văn Bảy	Thành viên BKS	-	6.000.000
Ông Nguyễn Hữu Ánh	Thành viên BKS	276.246.917	12.000.000
Ông Trần Quốc Dũng	Nguyên Giám đốc kinh doanh	-	54.346.154
Bà Ngô Thị Thúy	Nguyên Tổng Giám đốc	155.466.834	535.798.999
Bà Huỳnh Thu Thảo	Giám đốc tài chính Kiêm phụ trách kế toán	311.902.690	18.000.000

b. Giao dịch với bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Giải Pháp Y Tế	Công ty có liên quan ông Lê Hải Trọng
Công ty TNHH Thương Mại Và Công Nghệ Kỹ Thuật TNT	Công ty có liên quan ông Lê Hải Trọng

Các giao dịch phát sinh giữa Doanh nghiệp với các bên liên quan khác trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Giải Pháp Y Tế HSI		
Phải thu tiền bán hàng	145.760.390	351.490.000
Thu tiền bán hàng	99.329.770	1.350.000.000
Hoàn trả tiền hàng HSI đã ứng trước	1.000.000.000	
Phải trả tiền mua hàng	1.387.639.600	24.173.238.526
Trả tiền mua hàng	-	15.163.180.000
Công ty TNHH Thương Mại Và Công Nghệ Kỹ Thuật TNT		
Phải thu tiền bán hàng	5.424.000	3.608.042.430
Thu tiền bán hàng	441.211.750	12.977.731.529
Phải trả tiền mua hàng	13.265.245.200	
Trả tiền mua hàng	3.356.320	54.730.867.416
Trả lại hàng mua	12.721.654.000	10.062.780.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.14 và V.15.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin bộ phận

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị y tế.

B, Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	115.675.594.863	212.266.765.698
Khu vực xuất khẩu	101.737.897.325	105.633.042.199
Cộng	<u>217.413.492.188</u>	<u>317.899.807.897</u>

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	134.471.381.684	56.332.056.330	-	190.803.438.014
Phải trả người bán	91.268.940.132	-	-	91.268.940.132
Các khoản phải trả khác	8.499.199.312	60.000.000	-	8.559.199.312
Cộng	234.239.521.128	56.392.056.330	-	290.631.577.458
Số đầu năm				
Vay và nợ	159.766.049.991	63.796.909.122	-	223.562.959.113
Phải trả người bán	98.651.435.986	-	-	98.651.435.986
Các khoản phải trả khác	14.441.767.673	60.000.000	-	14.501.767.673
Cộng	272.859.253.650	63.856.909.122	-	336.716.162.772

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.261.327.493	15.667.155.913	2.261.327.493	15.667.155.913
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.600.000.000	7.437.080.000	1.600.000.000	7.437.080.000
Phải thu khách hàng	46.304.333.209	60.830.113.059	46.304.333.209	60.830.113.059
Các khoản phải thu khác	14.521.683.359	9.778.356.733	14.521.683.359	9.778.356.733
Cộng	64.687.344.061	93.712.705.705	64.687.344.061	93.712.705.705
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	190.803.438.014	223.562.959.113	190.803.438.014	223.562.959.113
Phải trả người bán	91.268.940.132	98.651.435.986	91.268.940.132	98.651.435.986
Các khoản phải trả khác	8.559.199.312	14.501.767.673	8.559.199.312	14.501.767.673
Cộng	290.631.577.458	336.716.162.772	290.631.577.458	336.716.162.772

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. **Khả năng hoạt động liên tục**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là năm tài chính thứ hai Công ty tiếp tục bị lỗ, số lỗ năm 2023 là 54.399.015.439 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 116.890.910.208 VND đã chiếm phần lớn Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 48.678.119.077 VND. Những điều kiện này chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Lưu chuyển tiền thuần hoạt động kinh doanh chính của đơn vị trong năm 2022 và 2023 lần lượt là 41.838.116.726 VND, 14.160.753.275 VND. Đồng thời, ban lãnh đạo đã tìm kiếm sự hỗ trợ của các bên thứ 3 là Ngân hàng và các cá nhân về vốn kinh doanh để cố gắng hồi phục kinh tế.

Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty khẳng định chưa có bất kỳ dự định nào cho việc dừng hoạt động của Công ty trong nhiều năm tới. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 vẫn được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

9. **Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Do ảnh hưởng của việc điều chỉnh thời gian khấu hao của một số tài sản cố định trong hoạt động sản xuất nên một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2022 được trình bày lại như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	121.247.788.885	15.981.558.856	137.229.347.741
Tài sản cố định	220	113.009.963.205	15.981.558.856	128.991.522.061
Tài sản cố định hữu hình	221	71.321.947.968	3.109.759.929	74.431.707.897
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(76.702.753.529)	3.109.759.929	(73.592.993.600)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	22.722.730.002	13.280.795.793	36.003.525.795
Giá trị hao mòn lũy kế	226	(63.726.383.111)	13.280.795.793	(50.445.587.318)
Tài sản cố định vô hình	227	18.965.285.235	(408.996.866)	18.556.288.369
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(534.699.986)	(408.996.866)	(943.696.852)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	391.115.019.530	15.981.558.856	407.096.578.386
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	43.701.928.375	15.981.558.856	59.683.487.231
Vốn chủ sở hữu	410	41.911.295.707	15.981.558.856	57.892.854.563
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(78.473.453.625)	15.981.558.856	(62.491.894.769)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	21.713.169.137	(376.918.680)	21.336.250.457
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(100.186.622.762)	16.358.477.536	(83.828.145.226)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	391.115.019.530	15.981.558.856	407.096.578.386
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Giá vốn hàng bán	11	333.825.744.606	(1.162.758.565)	332.662.986.041
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	(15.925.936.709)	1.162.758.565	(14.763.178.144)
Chi phí bán hàng	25	14.890.594.105	(22.095.261)	14.868.498.844
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(72.991.596.653)	1.184.853.826	(71.806.742.827)
Chi phí khác	32	29.375.606.096	(15.173.623.710)	14.201.982.386
Lợi nhuận khác	40	(27.061.910.028)	15.173.623.710	(11.888.286.318)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(100.053.506.681)	16.358.477.536	(83.695.029.145)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(100.186.622.762)	16.358.477.536	(83.828.145.226)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	(100.186.622.762)	16.358.477.536	(83.828.145.226)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(19.072)	3.114	(15.958)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(19.072)	3.114	(15.958)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	01	(100.053.506.681)	16.358.477.536	(83.695.029.145)
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	45.395.828.527	(16.358.477.536)	29.037.350.991

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

Địa chỉ: 12 Trịnh Công Sơn, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Huỳnh Thu Thảo

Phụ trách kế toán

Huỳnh Thu Thảo

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đình Phương Nam